



**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu
Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016



Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thông tin chung

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng

04/GCN-UBCK cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở

06/GCN-UBCK cấp ngày 16 tháng 12 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định. Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập được sửa đổi theo Quyết định số 384/QĐ-UBCK ngày 27 tháng 4 năm 2015.

Ban Đại Diện Quỹ

Ông Đặng Thái Nguyên	Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên (từ ngày 31 tháng 3 năm 2016)
Bà Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên (từ ngày 31 tháng 3 năm 2016)
Bà Đỗ Thị Đức Minh	Phó Chủ tịch (đến ngày 30 tháng 3 năm 2016)
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch (đến ngày 30 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Kiên Cường	Thành viên (đến ngày 30 tháng 3 năm 2016)

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Trụ sở đăng ký

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngõ Đức Kế
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam


Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Tôi, Đặng Thái Nguyên, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ 



Ông Đặng Thái Nguyên
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh,

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, các quy định của Thông tư 183 và của Thông tư 15 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ:

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 4,86% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo. Quỹ không có danh mục cơ cấu và chỉ số tham chiếu.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Những doanh nghiệp này hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề bao gồm nhưng không giới hạn như thực phẩm và nước giải khát, hàng tiêu dùng, bán lẻ, năng lượng, vật liệu - khai khoáng, dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, cơ sở hạ tầng - bất động sản... Các doanh nghiệp này có cổ phiếu đã hoặc sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ.

Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn, Quỹ có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ bao gồm nhưng không giới hạn như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu thường và trái phiếu chuyển đổi của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% Tổng tài sản của Quỹ.

4. Phân loại Quỹ: Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Không có

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Cao

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ: ngày 28 tháng 2 năm 2008

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 298.870.694.038 VND
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 24.731.759,93 CCQ

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ: Không có

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Việc phân phối lợi nhuận hàng năm thực hiện dựa trên đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ (tại thời điểm báo cáo):

Không có.

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản Quỹ:

Cơ cấu tài sản Quỹ	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2014
	(%)	(%)	(%)
		Chưa soát xét	Chưa soát xét
1. Danh mục chứng khoán	95,83	94,14	81,30
2. Tài sản khác	4,17	5,86	18,70
Cộng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2014
		Chưa soát xét	Chưa soát xét
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	298.870.694.038	321.586.009.534	437.727.029.053
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	24.731.759,93	32.282.711,60	45.205.839,34
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)	12.084,48	9.961,55	9.682,97
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	12.084,48	9.961,55	10.503,40

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2014
		Chưa soát xét	Chưa soát xét
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	10.015,55	8.737,36	8.447,48
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	24,34%	2,03%	(2,94%)
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	6,44%	(18,58%)	(30,73%)
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	17,91%	20,62%	27,78%
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	Không có	Không có
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,40%	2,31%	2,63%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,73	0,90	1,53

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
	Chưa soát xét	Chưa soát xét
- 1 năm	21,3	21,3
- 3 năm	55,2	15,7
- Từ khi thành lập	40,8	4,2
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu

4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	30/6/2016 (%)	30/6/2015 (%)	30/6/2014 (%)	30/6/2013 (%)
		Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa Soát xét
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	21,3	2,9	24,4	16,4

III. Mô tả thị trường trong kỳ:

1. Tăng trưởng GDP quý II/2016 thấp hơn dự kiến

Số liệu công bố về tăng trưởng GDP quý 2 năm 2016 (5,55%) và 6 tháng đầu năm (5,52% so với cùng kỳ năm trước) đã thấp hơn đáng kể so với các dự báo (6,1% - HSBC; 6,17% - CIEM). Mức tăng trưởng thấp này chủ yếu do tác động từ việc tăng trưởng âm của nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản (-0,18%) và mức tăng trưởng yếu hơn đáng kể của nhóm ngành Công nghiệp và xây dựng (tăng 7,12% so với mức tăng 9,66% trong 6 tháng đầu năm 2015). Giá dầu thấp trong nửa đầu năm 2016 đã có tác động mạnh tới việc tăng trưởng khi ngành khai khoáng giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước (trong đó sản lượng khai thác dầu thô giảm 6,1% so với cùng kỳ năm trước). Ngành dịch vụ có mức tăng trưởng cao nhất từ năm 2012 tới nay và đóng góp 2,38% vào mức tăng trưởng 5,52% trong 6 tháng đầu năm. Mức tăng trưởng thấp cũng do tác động của gia tăng tổng cầu trong 6 tháng đầu năm 2016 thấp hơn cùng kỳ năm trước. Tốc độ tăng trưởng giá trị bán lẻ hàng hóa dịch vụ sau 6 tháng tăng 7,5% (sau khi điều chỉnh cho tác động của lạm phát) so với mức tăng 8,3% của năm 2015. Việc suy giảm sản xuất nông nghiệp và dầu mỏ cũng tác động tới kim ngạch xuất khẩu khi giá trị xuất khẩu chỉ tăng 5,9% (6 tháng 2016) so với mức tăng 9,3% của năm 2015. Trong các báo cáo gần nhất từ Chính phủ tới Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mức tăng trưởng GDP cả năm 2016 được dự báo ở mức 6,3% tới 6,5%, thấp hơn mục tiêu đã đề ra đầu năm là 6,7%.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Tăng trưởng tín dụng và cung tiền

Xu hướng tăng trưởng mạnh tín dụng và cung tiền đã diễn ra trong các tháng đầu quý 2 2016 tiếp tục xảy ra trong tháng 6. Tới cuối tháng 6 2016, các công bố từ Ngân hàng Nhà nước cho thấy tăng trưởng tín dụng và tăng cung tiền đã đạt được mức tương ứng 17,7% và 19,5% so với cùng kỳ năm 2015. Tín dụng và cung tiền đã tăng rất nhanh trong tháng 6, tới ngày 24/6 tín dụng đã tăng 6,82% so với số liệu ngày 31/12/2015 (tới ngày 31/5/2016 tăng 5,48%). Tín dụng bằng Việt nam Đồng đã tăng 8,11% so với đầu năm và tăng 22,95% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 90,8% tổng tín dụng cung cấp cho nền kinh tế. Ngược lại với xu hướng của tín dụng bằng đồng Việt Nam, tín dụng bằng ngoại tệ đã giảm 4,6% so với số liệu tại cuối năm 2015. Điều này cho thấy chính sách giảm cho vay bằng ngoại tệ để giảm tình trạng Đô la hóa đã phát huy tác dụng. Tín dụng và cung tiền tăng với tốc độ cao đã tạo được tiền đề cần thiết cho tăng trưởng trong nửa sau năm 2016 để có thể bù đắp cho mức tăng trưởng yếu trong 6 tháng đầu năm. Chính phủ sẽ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nói lỏng trong các tháng còn lại của năm, thực hiện mục tiêu giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ phát triển kinh tế.

3. Sức ép thay đổi tỷ giá VND-USD từ biến động tỷ giá USD-CNY giảm đáng kể

Với việc mua vào trên 8 tỷ Đô la Mỹ trong 6 tháng đầu năm 2016 và thực hiện tốt chức năng người giao dịch cuối cùng trên thị trường, Ngân hàng Nhà nước đã duy trì ổn định tỷ giá giữa Đồng Việt nam và Đô la Mỹ. Tại thời điểm đầu năm 2016, rủi ro về biến động tỷ giá USD-CNY dẫn tới việc giảm giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ được coi là cao khi kinh tế Trung quốc chưa có các dấu hiệu phục hồi rõ ràng. Tuy nhiên các biến động trên thực tế trong 6 tháng đầu năm 2016, đặc biệt các biến động được quan sát sau khi xảy ra sự kiện Brexit, đã cho thấy tỷ giá USD-VND có sự ổn định và không chịu tác động của biến động tỷ giá USD-CNY. Sau giai đoạn biến động ngắn trong các ngày trong tuần sau ngày 23/6/2016, tỷ giá USD-VND đã quay lại mức trước đó và ổn định. Trong các tháng còn lại của năm 2016, tỷ giá giữa đồng VND và USD được dự báo tiếp tục ổn định. Các dự báo vào ngày 11/7/2016 do Bloomberg thu thập từ các tổ chức trên thị trường cho thấy khả năng giảm giá của Đồng Việt nam tối đa thêm 1% so với Đô la Mỹ vào thời điểm cuối năm 2016. Đây là điểm mạnh trong việc duy trì kinh tế vĩ mô ổn định để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng còn lại của năm 2016.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

4. FDI: điểm sáng đầu năm

FDI là điểm sáng trong hoạt động kinh tế 6 tháng đầu năm 2016. Trong 6 tháng đã có 1.145 dự án FDI mới với tổng vốn đăng ký là 7,497 tỷ USD, tăng 95,3% so với cùng kỳ năm 2015. Cùng kỳ, có 535 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 3,787 tỷ USD, tăng 129% so với cùng kỳ năm 2015. Như vậy tính chung trong 6 tháng đầu năm 2016, tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 11,284 tỷ USD, tăng 105,4% so với cùng kỳ năm 2015. Lĩnh vực chế biến chế tạo tiếp tục thu hút được sự quan tâm nhiều nhất của người đầu tư nước ngoài với 488 dự án đầu tư đăng ký mới và 405 lượt dự án điều chỉnh vốn, tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 8,06 tỷ USD, chiếm 71,4% tổng vốn đầu tư đăng ký trong 6 tháng. Khoảng cách giữa lĩnh vực chế biến chế tạo và lĩnh vực bất động sản (đứng thứ 2) là rất lớn khi bất động sản đã thu hút được 604,8 triệu Đô la Mỹ giá trị đầu tư. Nhà đầu tư Hàn quốc hiện đang đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam với tổng giá trị vốn cấp mới và điều chỉnh lên tới 3,99 tỷ USD (chiếm 35,37% tổng giá trị đầu tư). Trong 6 tháng, các dự án cũng đã giải ngân được 7,25 tỷ USD giá trị đầu tư, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2015. Giải ngân FDI, kiều hối cùng với thặng dư thương mại (xấp xỉ 2 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2016) là nguồn cung việc gia tăng quỹ dự trữ ngoại hối trong thời gian qua. Việc chuẩn bị cho Hiệp ước Thương mại Xuyên Thái bình dương (TPP) đã được nhà đầu tư nước ngoài thực hiện tích cực ngay từ đầu năm và sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong năm 2016.

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ:

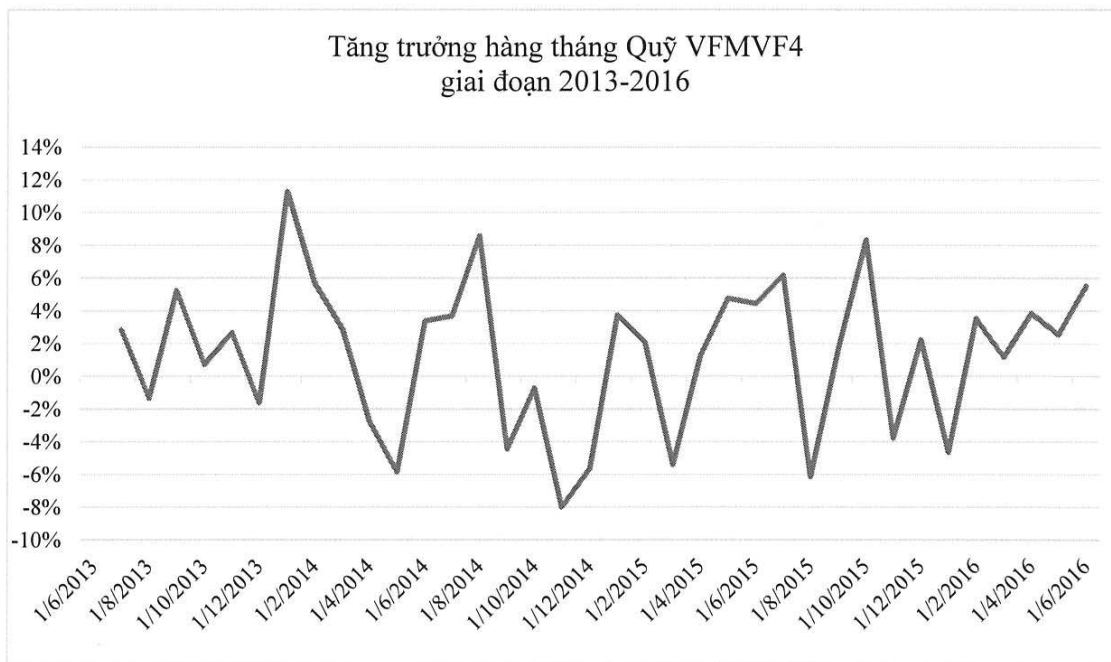
4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	17,91	107,15	83,41
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	6,44	(78,09)	(60,79)
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	24,34	29,06	22,62
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	24,34	29,06	22,62
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có

- Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;
- Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	Tỷ lệ thay đổi %
A	1	2	$3 = ((1) - (2)) / (2)$
		Chưa soát xét	
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	298.870.694.038	321.586.009.534	(7,06%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.084,48	9.961,55	21,31%

Trong giai đoạn từ ngày 31 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Quỹ có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng trưởng 12,3% do lợi nhuận từ kết quả đầu tư và tăng trưởng của danh mục chứng khoán. Tổng giá trị tài sản ròng (NAV) tăng trưởng 4,9%, thấp hơn tăng trưởng của NAV/chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư thực hiện rút vốn khỏi Quỹ khiến quy mô Quỹ thu hẹp lại.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	1.117	862.255,73	3,49%
Từ 5.000 - 10.000	70	421.688,28	1,70%
Từ 10.000 đến 50.000	70	1.253.011,58	5,07%
Từ 50.000 đến 500.000	21	3.240.664,34	13,10%
Trên 500.000	5	18.954.140,00	76,64%
Tổng cộng	1.283	24.731.759,93	100,00%

5. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Thị trường chứng khoán năm 2016 mở đầu bằng những thông tin kinh tế không khả quan của Trung Quốc cũng như áp lực rút vốn mạnh mẽ khỏi các thị trường mới nổi khi Cục dự trữ liên bang Mỹ có dự định tiếp tục tăng lãi suất trong năm 2016. Ngược chiều với những thông tin không tốt từ kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam lại đang trong quá trình phục hồi và phát triển tốt. Do vậy, thông tin tốt xấu đan xen sẽ phân hóa các ngành cũng như cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các cổ phiếu có thị phần lớn trong nước, nhập khẩu nguyên vật liệu từ thế giới sẽ có lợi khi nhu cầu trong nước vẫn phát triển tốt, giá nguyên vật liệu trong xu hướng giảm khi Trung Quốc là nước sử dụng nhiều nguyên vật liệu nhất đang phát triển chậm lại như ngành thực phẩm và nước giải khát, bán lẻ. Các nhóm ngành phụ thuộc vào xuất khẩu, có hàng hóa cạnh tranh với hàng hóa Trung Quốc sẽ bị ảnh hưởng khi Trung Quốc đang trong giai đoạn tái cơ cấu nền kinh tế như ngành Vật liệu thép.

Ngoài những công ty có thị phần nội địa lớn hưởng lợi từ việc giá nguyên vật liệu rẻ và nhu cầu trong nước tốt thì những ngành có liên quan đến thị trường bất động sản cũng sẽ tăng trưởng tốt trong năm 2016 khi lượng giao dịch mua bán bất động sản tăng trưởng rất mạnh trong năm 2015. Những ngành được hưởng lợi khi thị trường bất động sản tăng trưởng là những ngành thuộc sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản, hàng hóa công nghiệp.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Thêm vào đó, với việc gia nhập hàng loạt các hiệp định thương mại song phương và đa phương như FTA, TPP, dòng tiền đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ được thu hút mạnh vào Việt Nam nhằm tận dụng các điều khoản thuế suất cũng như ưu đãi của các nước nằm trong hiệp định. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước cũng sẽ được thúc đẩy nhờ vào dòng vốn nước ngoài. Các ngành vận tải, logistic, dệt may... cũng có nhiều lợi thế cho tăng trưởng.

VI. Thông tin khác

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ, và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Thông tin gồm:

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nhân sự điều hành Quỹ	Lương Thị Mỹ Hạnh	Điều hành Quỹ	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Trần Lê Minh	Điều hành Quỹ	Thạc sỹ Quản trị Tài chính	- Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ban Đại diện Quỹ	Đặng Thái Nguyên	Chủ tịch	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế	- Từ 2003 đến 2006: Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa - Từ 2006 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt
	Lê Trung Thành	Thành viên	Cử nhân cao cấp chính trị - Cử nhân Quản trị kinh doanh	- Từ 2004 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn - Từ 2010 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Du lịch Lam Sơn

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
	Lê Thị Thu Hương	Thành viên	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2011 đến 2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH kiểm toán AS - Từ 2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín
	Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên	Luật Sư	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2010 đến nay: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ	Trần Thanh Tân	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2003 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Lương Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu	Thạc sỹ Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Nguyễn Minh Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc tài chính	Thạc sỹ Tài chính – Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội	Thạc sỹ Quản trị Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
	Trần Văn Hiếu	Quyền Phó Tổng Giám đốc – Khổi huy động vốn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2010 đến 2012: Giám đốc điều hành Công ty Pana Harrison Asia Limited insurance broker Việt Nam - Từ 2012 đến 2014: Giám đốc Dự án Công ty Generali Việt Nam - Từ 2014 đến 2015: Giám đốc Huy động vốn cao cấp Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam - Từ 2016 đến nay: Quyền Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông Trần Thành Tân
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Tại một số kỳ định giá trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với mục 10, Điều 1, Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và Điều 11, Điều lệ Quỹ. Theo đó tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.


Đối với các kỳ định giá phát sinh sai lệch trong tháng 3 năm 2016 và tháng 5 năm 2016, Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Từ kỳ định giá ngày 2 tháng 6 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ vào hạng mục đầu tư lớn đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ và việc thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ, thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư. Thời hạn muộn nhất theo quy định của pháp luật để khắc phục sai lệch là ngày 2 tháng 9 năm 2016.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư theo Nghị quyết Nhà đầu tư thường niên cho năm tài chính 2015 vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard
Chartered (Việt Nam)

Nhân viên giám sát 



Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Pham Hung, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi



LÊ SỸ HOÀNG
Trưởng Phòng Nghiệp Vụ Chứng Khoán



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 18 đến trang 68.

Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, các quy định của Thông tư 183 và của Thông tư 15 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý rằng báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như các thuyết minh liên quan đã không được kiểm toán hoặc soát xét bởi chúng tôi. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận hay bất kỳ hình thức đảm bảo nào về các báo cáo và thuyết minh đó.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 16-01-270



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B01g – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
I	THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		38.680.175.246	39.366.405.163
1.1	Cổ tức được chia	02	12	3.635.833.000	7.202.345.200
1.2	Tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng	03	12	556.512.026	249.401.467
1.3	Lãi bán các khoản đầu tư	04	13	8.772.672.473	17.356.131.390
1.4	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	14	25.715.157.747	14.558.527.106
II	CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		323.858.425	1.109.844.346
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	15	323.858.425	1.109.844.346
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20		3.517.612.373	3.888.322.943
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	19	2.815.460.078	3.224.841.188
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	16	135.252.888	118.077.039
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	19	131.340.000	110.879.999
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	19	59.552.138	73.568.057
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	20.5		50.391.272	55.316.912
3.6	Chi phí họp, Đại hội Nhà đầu tư thường niên	20.7		11.505.830	(102.209.287)
3.7	Chi phí kiểm toán	20.8		85.570.097	96.008.908
3.8	Chi phí hoạt động khác	20.10	17	228.540.070	311.840.127
IV	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)	23		34.838.704.448	34.368.237.874

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Báo cáo thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B01g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng	Kỳ sáu tháng
				kết thúc ngày 30/6/2016 VND	kết thúc ngày 30/6/2015 VND
					Chưa soát xét
V	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)	30	11	34.838.704.448	34.368.237.874
5.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		9.123.546.701	19.809.710.768
5.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	32		25.715.157.747	14.558.527.106
VI	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)	41		34.838.704.448	34.368.237.874

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thành Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B02g – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
I	TÀI SẢN				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	110	4	12.411.225.403	36.501.338.214
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		2.411.225.403	10.501.338.214
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	112		10.000.000.000	26.000.000.000
2	Các khoản đầu tư thuần	120		287.503.700.400	243.474.967.100
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	287.503.700.400	243.474.967.100
3	Các khoản phải thu	130		108.626.667	7.447.969.977
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	6	31.710.000	6.840.603.000
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		76.916.667	596.683.889
3.2.1	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	136	7	76.916.667	596.683.889
3.3	Các khoản phải thu khác	137		-	10.683.088
	TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)	100		300.023.552.470	287.424.275.291
II	NỢ PHẢI TRẢ				
1	Phải trả về mua các khoản đầu tư	312		-	821.360.000
2	Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	313		112.995.536	235.355.331
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		9.945.217	673.203
4	Cổ tức phải trả cho Nhà đầu tư	315		83.000.000	83.000.000
5	Chi phí phải trả	316	8	298.175.852	438.230.191
6	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	317		-	15.000.000
7	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	318		-	179.674.053
8	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	319	9	593.348.253	552.004.019
9	Phải trả, phải nộp khác	320		55.393.574	76.938.375
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 312 + 313 + 314 + 315 + 316 + 317 + 318 + 319 + 320)	300		1.152.858.432	2.402.235.172

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B02g – QM
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
III	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)	400		298.870.694.038	285.022.040.119
1	Vốn góp của Nhà đầu tư	411	10	247.317.599.300	264.819.577.700
1.1	Vốn góp phát hành	412		882.981.866.000	864.006.091.000
1.2	Vốn góp mua lại	413		(635.664.266.700)	(599.186.513.300)
2	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414	10	14.176.274.476	17.664.346.605
3	Lợi nhuận chưa phân phối	420	11	37.376.820.262	2.538.115.814
IV	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	430	10	12.084,48	10.762,87
V	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			30/6/2016 CCQ	31/12/2015 CCQ
1	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	10	24.731.759,93	26.481.957,77

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh
 Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
 Phó Tổng Giám đốc kiêm
 Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B03g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ sáu tháng	Kỳ sáu tháng
		kết thúc ngày 30/6/2016 VND	kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu kỳ	285.022.040.119	356.389.393.527
II	Thay đổi NAV của Quỹ trong kỳ	34.838.704.448	34.368.237.874
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	34.838.704.448	34.368.237.874
III	Thay đổi NAV do mua lại và phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(20.990.050.529)	(69.171.621.867)
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	20.618.139.623	376.850.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(41.608.190.152)	(69.548.471.867)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ (IV = I + II + III)	298.870.694.038	321.586.009.534

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

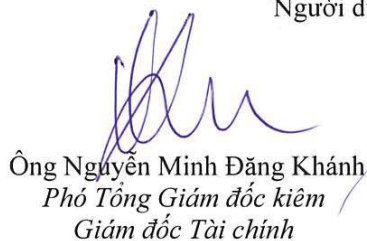
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B04g – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/6/2016 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2016 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
I	Mã cổ phiếu niêm yết	6.296.941		287.503.700.400	95,83%
1	BCC	494.200	15.500	7.660.100.000	2,55%
2	BID	230.000	17.500	4.025.000.000	1,34%
3	BMP	83.540	146.000	12.196.840.000	4,07%
4	CAV	142.750	98.500	14.060.875.000	4,69%
5	CII	319.670	26.300	8.407.321.000	2,80%
6	DPM	104.990	27.700	2.908.223.000	0,97%
7	DQC	198.379	75.000	14.878.425.000	4,96%
8	FPT	577.168	41.800	24.125.622.400	8,04%
9	GAS	217.920	62.500	13.620.000.000	4,54%
10	GEX	200.000	24.500	4.900.000.000	1,63%
11	HPG	444.280	39.600	17.593.488.000	5,87%
12	KDH	608.802	22.800	13.880.685.600	4,63%
13	KSB	36.000	74.500	2.682.000.000	0,89%
14	MBB	400.000	14.900	5.960.000.000	1,99%
15	MSN	86.800	66.500	5.772.200.000	1,92%
16	NT2	208.000	34.700	7.217.600.000	2,41%
17	SJS	107.060	21.400	2.291.084.000	0,76%
18	SKG	152.238	99.000	15.071.562.000	5,02%
19	TCM	435.190	25.200	10.966.788.000	3,66%
20	VCB	376.778	47.300	17.821.599.400	5,94%
21	VGG	90.000	65.100	5.859.000.000	1,95%
22	VIC	165.915	49.400	8.196.201.000	2,73%
23	VNM	357.331	141.000	50.383.671.000	16,79%
24	VSC	259.930	65.500	17.025.415.000	5,68%

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B04g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2016 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
II	Các tài sản khác	108.626.667	0,04%
1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	31.710.000	0,01%
2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	76.916.667	0,03%
III	Tiền	12.411.225.403	4,13%
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	12.411.225.403	4,13%
IV	Tổng giá trị danh mục	300.023.552.470	100,00%

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B05g – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Lợi nhuận trước thuế	01		34.838.704.448	34.368.237.874
Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	02		(25.800.458.273)	(14.865.030.484)
Chênh lệch tăng thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03		(25.715.157.747)	(14.558.527.106)
Giảm chi phí trích trước	04		(85.300.526)	(306.503.378)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05		9.038.246.175	19.503.207.390
(Tăng)/giảm các khoản đầu tư	06		(18.313.575.553)	16.551.527.906
Giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư	06		6.808.893.000	2.353.840.000
Giảm dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07		519.767.222	336.398.667
Giảm các khoản phải thu khác	08		10.683.088	-
Giảm phải trả về mua các khoản đầu tư	10		(821.360.000)	(960.000.000)
Giảm phải trả các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	11		(122.359.795)	(65.120.176)
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13		9.272.014	(13.273.948)
Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	14		(15.000.000)	-
(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	15		(179.674.053)	28.044.127
(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	16		(76.298.614)	32.579.078
Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	17		41.344.234	(72.196.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	19		(3.100.062.282)	37.695.006.300
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	31	10	20.618.139.623	376.850.000
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	32	10	(41.608.190.152)	(69.548.471.867)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30		(20.990.050.529)	(69.171.621.867)
Giảm tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ (40 = 19 + 30)	40		(24.090.112.811)	(31.476.615.567)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B05g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015
			VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	50	4	36.501.338.214	48.224.554.964
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	51		36.501.338.214	48.224.554.964
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	52		10.501.338.214	8.224.554.964
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	52		26.000.000.000	40.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	55	4	12.411.225.403	16.747.939.397
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	56		12.411.225.403	16.747.939.397
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	57		2.411.225.403	5.747.939.397
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	57		10.000.000.000	11.000.000.000
Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ	60		(24.090.112.811)	(31.476.615.567)

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập ban đầu dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008 và Quyết định số 384/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015 về việc sửa đổi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành lập Quỹ đại chúng số 06/GCN-UBCK (“Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập”) ngày 16 tháng 12 năm 2013 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số vốn Điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập là 8.000 tỷ Đồng Việt Nam. Theo giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 80.646.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam trên mỗi chứng chỉ quỹ cho lần huy động vốn đầu tiên.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ số 58/QĐ-SGDHCM ngày 3 tháng 6 năm 2008 và đã được hủy niêm yết vào ngày 27 tháng 11 năm 2013 theo Quyết định số 363/2013/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 10 năm 2013 để thực hiện thủ tục chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở.

Quỹ đã chính thức chuyển đổi thành quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở vào ngày 17 tháng 12 năm 2013 theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán số 04/GCN-UBCK ngày 18 tháng 12 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 806.460.000.000 Đồng Việt Nam tương đương với 80.646.000 chứng chỉ quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2013 và được điều chỉnh, bổ sung lần gần nhất vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Những doanh nghiệp này hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề bao gồm nhưng không giới hạn như thực phẩm và nước giải khát, hàng tiêu dùng, bán lẻ, năng lượng, vật liệu - khai khoáng, dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, cơ sở hạ tầng - bất động sản... Các doanh nghiệp này có cổ phiếu đã hoặc sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được quản lý nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của Quỹ.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo các tiêu chí sau:

- Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được nắm giữ 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi ngân hàng, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản phát hành bởi một công ty hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định trong Điều lệ Quỹ;

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- Quỹ không đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, trừ trường hợp đã được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện và có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch;
- Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- Quỹ không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- Quỹ không được trực tiếp đầu tư vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; và
- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Từ kỳ định giá ngày 2 tháng 6 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ vào hạng mục đầu tư lớn (tỷ lệ đầu tư trên 5% tổng giá trị tài sản của Quỹ) đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá trên thị trường của các chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ và việc thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ, thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư. Thời hạn muộn nhất theo quy định của pháp luật để khắc phục sai lệch là ngày 2 tháng 9 năm 2016.

Quỹ được định giá hàng ngày vào mỗi ngày làm việc theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được điều chỉnh, bổ sung vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ hàng ngày vào mỗi ngày làm việc (tức là ngày T).

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là phòng 1701-04, tầng 17, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(c), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các chính sách kế toán trình bày sau đây được Quỹ áp dụng nhất quán trong kỳ.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(e) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là lãi hoặc lỗ trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

(b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

(iii) Xác định giá trị

Theo Thông tư 183 và Thông tư 15, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại điều lệ Quỹ, hoặc sổ tay định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

Trái phiếu

▪ Trái phiếu niêm yết

- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);
- Trường hợp không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán trong nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận (chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc
 - + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

▪ Trái phiếu không niêm yết

Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:

- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, trên các hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá trị trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt;
- Giá xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận;
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi:
 - Giá bình quân của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; hoặc
 - Trong trường hợp không có giao dịch, giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
 - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc
 - + Giá mua; hoặc
 - + Giá trị sổ sách; hoặc
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom
 - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá;
 - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, thì dùng giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc
 - + Giá mua; hoặc
 - + Giá trị sổ sách; hoặc
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch
 - Giá trị trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
 - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt;
 - + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
 - + Giá mua;
 - + Giá trị sổ sách; hoặc
 - + Giá xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - Giá trị sổ sách;
 - Mệnh giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Chứng khoán phái sinh

- Chứng khoán phái sinh niêm yết được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán đó trước ngày định giá.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
- Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh được đánh giá lại trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý.

Quyền mua cổ phiếu

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo tài chính theo giá trị được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư và phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỉ lệ trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn

Mức trích lập dự phòng

Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo thu nhập trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi.

(e) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho Nhà đầu tư, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(g) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty Quản lý Quỹ phân loại các công cụ tài chính của Quỹ như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(h) Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% (2015: 22%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

(i) Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

(i) Vốn góp của nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.

(ii) *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá của các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

(iii) *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lợi nhuận chưa thực hiện là tổng giá trị lãi đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

(iv) *Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư*

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư trong kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

(j) *Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở*

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chỉ thực tế từ việc phát hành/mua lại chứng chỉ quỹ dựa trên tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Quỹ chỉ được sử dụng phần lợi nhuận đã thực hiện lũy kế của năm trước trừ đi lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lợi nhuận để phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

(k) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(l) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(m) Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(n) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

(p) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi bằng Đồng Việt Nam vào thời điểm cuối kỳ tại các ngân hàng sau đây:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ		
▪ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	2.411.225.403	10.501.338.214
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		
▪ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	14.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	5.000.000.000	12.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	5.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	10.000.000.000	26.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12.411.225.403	36.501.338.214

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng hưởng lãi suất trong kỳ từ 1,0% đến 5,5% một năm (31/12/2015: từ 4,5% đến 5,1%). Trong trường hợp rút trước thời gian đáo hạn, các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất dưới 1% một năm.

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được Quý đầu tư như được liệt kê trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quý không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quý đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày như sau:

	Giá mua VND [1]	Giá trị thị trường VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại trong kỳ		Giá trị đánh giá lại VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
Ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Cổ phiếu niêm yết	224.366.800.794	287.503.700.400	67.486.216.225	(4.349.316.619)	287.503.700.400
Ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Cổ phiếu niêm yết	206.053.225.241	243.474.967.100	42.252.368.858	(4.830.626.999)	243.474.967.100

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu về bán các khoản đầu tư

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu về bán các khoản đầu tư	31.710.000	6.840.603.000

Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ thanh lý các cổ phiếu niêm yết được nhận sau hai ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Dự thu cổ tức	54.000.000	513.295.000
Dự thu lãi tiền gửi	22.916.667	83.388.889
	76.916.667	596.683.889

8. Chi phí phải trả

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phí báo cáo thường niên	129.241.751	105.634.960
Phí kiểm toán	84.784.154	170.500.000
Phí môi giới	40.030.544	100.957.231
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	22.628.073	38.000.000
Phí họp đại hội	21.491.330	23.138.000
	298.175.852	438.230.191

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Phí quản lý Quỹ	468.704.139	437.414.019
Phí lưu ký chứng khoán	22.000.000	10.500.000
Phí giao dịch chứng khoán	3.330.000	8.060.000
Phí giám sát Quỹ	25.300.000	18.480.000
Phí quản trị Quỹ	8.014.114	11.550.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.000	66.000.000
	<hr/>	<hr/>
	593.348.253	552.004.019

10. Vốn góp của Nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 06/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 806.460.000.000 Đồng Việt Nam tương ứng với 80.646.000 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp và số lượng chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2015 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2016 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	86.400.609,10	1.897.577,50	88.298.186,60
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	864.006.091.000	18.975.775.000	882.981.866.000
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	2.742.018.254	1.642.364.623	4.384.382.877
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	866.748.109.254	20.618.139.623	887.366.248.877
Vốn góp mua lại				
Số lượng (5)	CCQ	(59.918.651,33)	(3.647.775,34)	(63.566.426,67)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(599.186.513.300)	(36.477.753.400)	(635.664.266.700)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	14.922.328.351	(5.130.436.752)	9.791.891.599
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(584.264.184.949)	(41.608.190.152)	(625.872.375.101)
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)				
	CCQ	26.481.957,77	(1.750.197,84)	24.731.759,93

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2015 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2016 VND
Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)	VND	264.819.577.700	(17.501.978.400)	247.317.599.300
Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) + (7)	VND	17.664.346.605	(3.488.072.129)	14.176.274.476
Lợi nhuận chưa phân phối (12)	VND	2.538.115.814	34.838.704.448	37.376.820.262
NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)	VND	285.022.040.119		298.870.694.038
NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)	VND/ CCQ	10.762,87		12.084,48

11. Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đầu kỳ	2.538.115.814	(56.965.240.487)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	34.838.704.448	34.368.237.874
Trong đó		
<i>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối</i>	<i>9.123.546.701</i>	<i>19.809.710.768</i>
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	<i>25.715.157.747</i>	<i>14.558.527.106</i>
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) cuối kỳ	37.376.820.262	(22.597.002.613)

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

12. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Cổ tức được chia trong kỳ		
<i>Cổ tức phát sinh trong kỳ đã nhận</i>	3.581.833.000	6.258.397.200
<i>Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận</i>	54.000.000	943.948.000
	3.635.833.000	7.202.345.200
Tiền lãi được nhận trong kỳ		
<i>Tiền lãi phát sinh trong kỳ đã nhận</i>	533.595.359	247.734.800
<i>Dự thu lãi chưa đến ngày nhận</i>	22.916.667	1.666.667
	556.512.026	249.401.467
	4.192.345.026	7.451.746.667

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

13. Lãi bán các khoản đầu tư

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2016 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2015 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	102.316.910.920	93.544.238.447	8.772.672.473	159.306.017.328	150.533.344.855

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (chưa soát xét)

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2015 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2014 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	169.099.854.000	151.743.722.610	17.356.131.390	116.690.428.800	99.334.297.410

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

14. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán		Giá trị thị trường tại ngày 30/6/2016		Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 30/6/2016		Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2015		Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	
	VND	[1]	VND	[2]	VND	[3] = [2] – [1]	VND	[4]	VND	[5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	224.366.800.794		287.503.700.400		63.136.899.606		37.421.741.859		25.715.157.747	

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (chưa soát xét)

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán		Giá trị thị trường tại ngày 30/6/2015		Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 30/6/2015		Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2014		Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015	
	VND	[1]	VND	[2]	VND	[3] = [2] – [1]	VND	[4]	VND	[5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	256.651.625.996		303.933.688.900		47.282.062.904		32.723.535.798		14.558.527.106	

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư (*)	167.786.722	799.963.983
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư (*)	153.475.193	253.649.781
Chi phí giao dịch thanh toán bù trừ	2.596.510	56.230.582
	<hr/>	<hr/>
	323.858.425	1.109.844.346
	<hr/>	<hr/>

(*) Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư nêu trên bao gồm chủ yếu phí môi giới cho việc mua bán các cổ phiếu niêm yết.

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Trong kỳ, giao dịch của Quỹ được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

STT	Tên (mã) các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán				
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ	Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4]/[5][%]	[7]	[8]
1	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Không liên quan	54.300.873.000	214.174.724.920	25,35%	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	119.247.604.000	214.174.724.920	55,68%	0,15%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	40.626.132.000	214.174.724.920	18,97%	0,15%	0,15%-0,50%
Tổng			214.174.609.000		100,00%		

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (chưa soát xét)

STT	Tên (mã) các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND				Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán [6] = [4]/[5][%]	Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Tỷ lệ giao dịch của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán [6] = [4]/[5][%]	Phí giao dịch bình quân			
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[8]	
1	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Không liên quan	81.615.361.000	304.292.048.704	26,82%	0,15%	0,15%-0,50%		
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	82.601.277.000	304.292.048.704	27,15%	0,15%	0,15%-0,50%		
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	81.795.807.000	304.292.048.704	26,88%	0,15%	0,15%-0,50%		
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không liên quan	27.796.203.704	304.292.048.704	9,13%	0,58%	0,58%		
Tổng			273.808.648.704		89,98%				

(*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi và thực hiện quyền) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***16. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 19)	97.500.000	63.000.000
Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 19)	21.630.000	43.400.000
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	16.122.888	11.677.039
	<hr/>	
	135.252.888	118.077.039

17. Chi phí hoạt động khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 19)	109.628.073	202.546.460
Chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ	8.029.642	79.112.217
Chi phí báo cáo thường niên	52.528.841	(32.239.712)
Phí báo giá chứng khoán	38.730.000	2.540.113
Phí ngân hàng	13.650.882	13.012.141
Phí thiết lập ban đầu (Thuyết minh 19)	-	16.500.000
Phí quản lý thường niên của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước	4.972.632	4.958.908
Chi phí khác	1.000.000	25.410.000
	<hr/>	
	228.540.070	311.840.127

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng dầu Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***18. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCG tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCG VND/CCQ
	31/12/2015	285.022.040.119	26.481.957,77	10.762,87	
1	03/01/2016	284.976.790.886	26.481.957,77	10.761,16	(1,71)
2	04/01/2016	282.872.103.661	26.481.957,77	10.681,69	(79,47)
3	05/01/2016	280.570.880.345	26.483.347,99	10.594,23	(87,46)
4	06/01/2016	282.336.621.172	26.480.147,99	10.662,19	67,96
5	07/01/2016	277.374.555.577	26.479.962,08	10.474,88	(187,31)
6	08/01/2016	275.564.284.715	26.479.962,08	10.406,52	(68,36)
7	11/01/2016	274.281.023.330	26.539.891,27	10.334,67	(71,85)
8	12/01/2016	278.189.557.423	26.545.638,91	10.479,67	145,00
9	13/01/2016	277.371.653.549	26.545.638,91	10.448,85	(30,82)
10	14/01/2016	275.103.917.964	26.545.638,91	10.363,43	(85,42)
11	15/01/2016	271.801.448.935	26.545.638,91	10.239,02	(124,41)
12	18/01/2016	266.172.048.051	26.545.638,91	10.026,95	(212,07)
13	19/01/2016	269.773.747.602	26.534.638,91	10.166,85	139,90
14	20/01/2016	267.867.641.326	26.532.638,91	10.095,77	(71,08)
15	21/01/2016	266.391.489.890	26.532.638,91	10.040,14	(55,63)
16	22/01/2016	265.712.815.928	26.530.018,91	10.015,55	(24,59)
17	25/01/2016	273.144.299.693	26.530.018,91	10.295,66	280,11
18	26/01/2016	268.610.279.051	26.530.018,91	10.124,76	(170,90)
19	27/01/2016	270.958.786.540	26.528.018,91	10.214,06	89,30
20	28/01/2016	270.275.089.702	26.528.018,91	10.188,28	(25,78)
21	29/01/2016	272.066.534.999	26.510.004,62	10.262,78	74,50
22	31/01/2016	272.041.721.133	26.510.004,62	10.261,85	(0,93)
23	01/02/2016	270.566.752.155	26.511.934,09	10.205,47	(56,38)
24	02/02/2016	269.417.348.291	26.511.934,09	10.162,11	(43,36)
25	03/02/2016	270.514.285.880	26.511.934,09	10.203,49	41,38
26	04/02/2016	272.298.448.542	26.511.934,09	10.270,78	67,29
27	05/02/2016	273.426.644.969	26.512.396,51	10.313,16	42,38
28	14/02/2016	273.316.557.360	26.512.396,51	10.309,00	(4,16)
29	15/02/2016	273.006.795.662	26.512.396,51	10.297,32	(11,68)
30	16/02/2016	276.543.909.433	26.512.396,51	10.430,73	133,41
31	17/02/2016	277.941.585.648	26.515.243,86	10.482,33	51,60
32	18/02/2016	280.302.081.583	26.515.243,86	10.571,35	89,02
33	19/02/2016	280.207.946.213	26.500.898,60	10.573,52	2,17
34	21/02/2016	280.177.112.882	26.500.898,60	10.572,36	(1,16)
35	22/02/2016	282.489.574.160	26.500.898,60	10.659,62	87,26
36	23/02/2016	281.531.478.791	26.500.898,60	10.623,46	(36,16)
37	24/02/2016	282.456.618.834	26.477.574,68	10.667,76	44,30
38	25/02/2016	280.149.894.289	26.477.264,68	10.580,77	(86,99)

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm)
				tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	NAV/ICCQ VND/CCQ
39	26/02/2016	282.748.710.308	26.479.673,41	10.677,95	97,18
40	28/02/2016	282.717.609.016	26.479.673,41	10.676,77	(1,18)
41	29/02/2016	281.316.172.105	26.477.873,41	10.624,57	(52,20)
42	01/03/2016	283.104.126.477	26.477.873,41	10.692,10	67,53
43	02/03/2016	285.344.275.470	26.477.262,28	10.776,95	84,85
44	03/03/2016	285.458.503.335	26.477.262,28	10.781,26	4,31
45	04/03/2016	287.866.714.540	26.475.909,05	10.872,77	91,51
46	06/03/2016	287.836.109.430	26.475.909,05	10.871,62	(1,15)
47	07/03/2016	286.937.900.467	26.475.909,05	10.837,69	(33,93)
48	08/03/2016	290.465.039.989	26.914.085,21	10.792,30	(45,39)
49	09/03/2016	296.753.124.399	27.375.062,01	10.840,27	47,97
50	10/03/2016	302.407.381.971	27.696.317,84	10.918,68	78,41
51	11/03/2016	303.981.056.090	27.698.739,55	10.974,54	55,86
52	13/03/2016	303.948.751.490	27.698.739,55	10.973,37	(1,17)
53	14/03/2016	302.818.724.871	27.698.739,55	10.932,58	(40,79)
54	15/03/2016	302.124.163.052	27.698.830,10	10.907,47	(25,11)
55	16/03/2016	303.711.271.463	27.688.920,86	10.968,69	61,22
56	17/03/2016	305.054.033.495	27.688.920,86	11.017,18	48,49
57	18/03/2016	304.996.547.011	27.692.132,73	11.013,83	(3,35)
58	20/03/2016	304.959.721.077	27.692.132,73	11.012,50	(1,33)
59	21/03/2016	302.964.801.860	27.692.537,24	10.940,30	(72,20)
60	22/03/2016	301.688.126.711	27.692.537,24	10.894,20	(46,10)
61	23/03/2016	303.655.159.513	27.692.537,24	10.965,23	71,03
62	24/03/2016	303.253.934.695	27.672.756,07	10.958,57	(6,66)
63	25/03/2016	301.970.976.095	27.675.686,16	10.911,05	(47,52)
64	27/03/2016	301.933.913.753	27.675.686,16	10.909,71	(1,34)
65	28/03/2016	303.398.720.573	27.668.116,16	10.965,64	55,93
66	29/03/2016	301.506.382.969	27.668.116,16	10.897,25	(68,39)
67	30/03/2016	302.361.852.664	27.668.116,16	10.928,16	30,91
68	31/03/2016	297.276.027.710	27.653.116,16	10.750,18	(177,98)
69	01/04/2016	295.931.525.461	27.656.679,59	10.700,18	(50,00)
70	03/04/2016	295.894.353.376	27.656.679,59	10.698,83	(1,35)
71	04/04/2016	295.735.899.966	27.656.589,74	10.693,14	(5,69)
72	05/04/2016	297.029.135.593	27.449.889,74	10.820,77	127,63
73	06/04/2016	300.192.067.472	27.445.973,86	10.937,56	116,79
74	07/04/2016	302.979.402.172	27.445.973,86	11.039,12	101,56
75	08/04/2016	303.953.851.155	27.449.453,67	11.073,22	34,10
76	10/04/2016	303.915.818.535	27.449.453,67	11.071,83	(1,39)
77	11/04/2016	306.523.354.526	27.449.453,67	11.166,82	94,99
78	12/04/2016	306.932.776.893	27.449.453,67	11.181,74	14,92
79	13/04/2016	304.159.664.114	27.344.824,41	11.123,11	(58,63)

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCG	Tăng/(giảm) NAV/ICCG VND/CCQ
				tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
80	14/04/2016	304.801.448.886	27.344.724,41	11.146,62	23,51
81	15/04/2016	305.217.344.302	27.348.172,60	11.160,42	13,80
82	18/04/2016	305.166.966.151	27.348.172,60	11.158,58	(1,84)
83	19/04/2016	300.602.881.131	27.348.172,60	10.991,69	(166,89)
84	20/04/2016	298.544.199.199	27.348.172,60	10.916,42	(75,27)
85	21/04/2016	306.047.754.827	27.801.908,08	11.008,15	91,73
86	22/04/2016	311.031.034.401	27.805.402,04	11.185,99	177,84
87	24/04/2016	310.998.658.607	27.805.402,04	11.184,82	(1,17)
88	25/04/2016	310.098.281.850	27.804.862,79	11.152,66	(32,16)
89	26/04/2016	311.461.546.585	27.804.862,79	11.201,69	49,03
90	27/04/2016	309.058.571.205	27.796.772,60	11.118,50	(83,19)
91	28/04/2016	306.667.364.238	27.609.345,65	11.107,37	(11,13)
92	29/04/2016	308.313.940.893	27.611.812,60	11.166,01	58,64
93	30/04/2016	308.299.343.196	27.611.812,60	11.165,48	(0,53)
94	03/05/2016	308.255.787.780	27.611.812,60	11.163,90	(1,58)
95	04/05/2016	310.333.116.015	27.611.812,60	11.239,14	75,24
96	05/05/2016	311.862.848.200	27.611.812,60	11.294,54	55,40
97	06/05/2016	310.912.054.472	27.612.250,86	11.259,93	(34,61)
98	08/05/2016	310.882.737.644	27.612.250,86	11.258,86	(1,07)
99	09/05/2016	310.676.120.956	27.610.250,86	11.252,20	(6,66)
100	10/05/2016	310.538.023.231	27.611.639,47	11.246,63	(5,57)
101	11/05/2016	314.058.517.084	27.600.639,47	11.378,66	132,03
102	12/05/2016	314.454.852.888	27.600.639,47	11.393,02	14,36
103	13/05/2016	314.090.384.109	27.604.031,21	11.378,42	(14,60)
104	15/05/2016	314.060.726.353	27.604.031,21	11.377,35	(1,07)
105	16/05/2016	315.392.098.961	27.604.031,21	11.425,58	48,23
106	17/05/2016	318.708.899.729	27.601.031,21	11.546,99	121,41
107	18/05/2016	313.392.658.520	27.255.734,68	11.498,22	(48,77)
108	19/05/2016	313.075.571.785	27.260.039,69	11.484,78	(13,44)
109	20/05/2016	313.295.293.222	27.263.844,72	11.491,23	6,45
110	22/05/2016	313.263.276.569	27.263.844,72	11.490,06	(1,17)
111	23/05/2016	311.734.865.728	27.262.248,74	11.434,67	(55,39)
112	24/05/2016	311.283.229.665	27.262.248,74	11.418,10	(16,57)
113	25/05/2016	310.816.255.353	27.262.248,74	11.400,97	(17,13)
114	26/05/2016	302.047.694.548	26.762.596,07	11.286,18	(114,79)
115	27/05/2016	297.394.476.258	26.145.403,65	11.374,63	88,45
116	29/05/2016	297.357.304.876	26.145.403,65	11.373,21	(1,42)
117	30/05/2016	298.723.513.056	26.145.403,65	11.425,46	52,25
118	31/05/2016	299.402.782.880	26.145.403,65	11.451,45	25,99
119	01/06/2016	300.112.306.954	26.145.403,65	11.478,58	27,13
120	02/06/2016	302.142.943.241	26.110.803,65	11.571,56	92,98

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
				tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
121	03/06/2016	302.690.303.920	26.113.771,45	11.591,21	19,65
122	05/06/2016	302.654.489.946	26.113.771,45	11.589,84	(1,37)
123	06/06/2016	292.980.887.065	25.483.132,66	11.497,05	(92,79)
124	07/06/2016	293.907.565.188	25.380.132,66	11.580,22	83,17
125	08/06/2016	294.892.036.258	25.360.132,66	11.628,17	47,95
126	09/06/2016	294.504.623.870	25.294.532,66	11.643,01	14,84
127	10/06/2016	293.366.894.514	25.244.883,10	11.620,84	(22,17)
128	12/06/2016	293.330.553.027	25.244.883,10	11.619,40	(1,44)
129	13/06/2016	291.744.139.680	25.244.883,10	11.556,56	(62,84)
130	14/06/2016	292.699.630.044	25.244.883,10	11.594,41	37,85
131	15/06/2016	294.035.242.170	25.244.883,10	11.647,32	52,91
132	16/06/2016	294.810.454.465	25.244.883,10	11.678,02	30,70
133	17/06/2016	293.705.053.545	25.210.411,24	11.650,14	(27,88)
134	19/06/2016	293.668.675.786	25.210.411,24	11.648,70	(1,44)
135	20/06/2016	298.044.093.375	25.209.311,24	11.822,77	174,07
136	21/06/2016	298.116.167.920	25.079.891,24	11.886,66	63,89
137	22/06/2016	298.401.991.507	25.077.891,24	11.899,00	12,34
138	23/06/2016	300.707.596.012	25.042.891,24	12.007,70	108,70
139	24/06/2016	296.769.524.929	25.046.154,04	11.848,90	(158,80)
140	26/06/2016	296.732.818.450	25.046.154,04	11.847,44	(1,46)
141	27/06/2016	291.591.608.611	24.691.054,04	11.809,60	(37,84)
142	28/06/2016	293.776.293.737	24.691.054,04	11.898,08	88,48
143	29/06/2016	297.071.950.829	24.712.324,27	12.021,20	123,12
144	30/06/2016	298.870.694.038	24.731.759,93	12.084,48	63,28
▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ		293.330.569.314			
▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất					280,11
▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất					(0,53)

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ [3] = [1]/[2]
				tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
	31/12/2014	356.389.393.527	39.701.792,35	8.976,65	
1	06/01/2015	357.994.053.345	39.701.792,35	9.017,07	40,42
2	13/01/2015	367.005.220.295	39.697.590,12	9.245,02	227,95
3	20/01/2015	365.952.341.829	39.697.590,12	9.218,50	(26,52)
4	27/01/2015	370.854.550.721	39.716.582,74	9.337,52	119,02
5	31/01/2015	369.740.112.790	39.716.688,76	9.309,43	(28,09)
6	03/02/2015	361.410.757.088	39.716.688,76	9.099,72	(209,71)
7	10/02/2015	357.915.087.632	38.716.688,76	9.244,46	144,74
8	23/02/2015	347.802.835.128	36.599.922,04	9.502,82	258,36
9	24/02/2015	350.380.250.474	36.599.922,04	9.573,25	70,43
10	28/02/2015	347.762.334.461	36.599.922,04	9.501,72	(71,53)
11	03/03/2015	349.608.206.107	36.599.922,04	9.552,15	50,43
12	10/03/2015	348.768.612.188	36.595.250,39	9.530,43	(21,72)
13	17/03/2015	344.139.052.781	36.595.562,02	9.403,84	(126,59)
14	24/03/2015	336.190.909.852	36.593.142,39	9.187,26	(216,58)
15	31/03/2015	325.236.934.167	36.177.792,39	8.989,96	(197,30)
16	07/04/2015	324.613.479.436	36.040.502,41	9.006,90	16,94
17	14/04/2015	324.042.523.688	35.618.132,41	9.097,68	90,78
18	21/04/2015	326.398.883.384	35.607.658,86	9.166,53	68,85
19	30/04/2015	324.174.146.380	35.599.215,83	9.106,21	(60,32)
20	03/05/2015	324.116.529.036	35.599.215,83	9.104,59	(1,62)
21	05/05/2015	319.637.433.645	35.599.215,83	8.978,77	(125,82)
22	12/05/2015	315.837.209.369	35.599.215,83	8.872,02	(106,75)
23	19/05/2015	310.945.271.068	35.588.010,59	8.737,36	(134,66)
24	26/05/2015	337.477.876.127	35.576.835,78	9.485,88	748,52
25	31/05/2015	311.901.047.517	32.701.711,60	9.537,75	51,87
26	02/06/2015	311.945.809.104	32.701.711,60	9.539,12	1,37
27	09/06/2015	316.505.484.655	32.701.711,60	9.678,56	139,44
28	16/06/2015	318.367.493.902	32.699.711,60	9.736,09	57,53
29	23/06/2015	320.696.602.628	32.286.711,60	9.932,77	196,68
30	30/06/2015	321.586.009.534	32.282.711,60	9.961,55	28,78

- Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 336.813.102.410
- Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất 748,52
- Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất 1,37

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

19. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

(a) Các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Phí quản lý Quỹ	2.815.460.078	3.224.841.188

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ tối đa là 2% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 2% một năm). Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ báo cáo để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 17)	109.628.073	202.546.460

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(b) Các hợp đồng then chốt khác

Giao dịch với Ngân hàng Giám sát

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Phí lưu ký chứng khoán	97.500.000	63.000.000
Phí giao dịch chứng khoán	21.630.000	43.400.000
Phí dịch vụ giám sát	131.340.000	110.879.999
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	59.552.138	73.568.057
Phí thiết lập ban đầu	-	16.500.000
Thu nhập lãi từ tài khoản vãng lai	5.087.028	14.844.526
	315.109.166	322.192.582

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ, đồng thời cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ cho Quỹ từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là Ngân hàng Giám sát đến ngày 5 tháng 5 năm 2015). Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản và phí quản trị quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giám sát (chưa bao gồm VAT)	<i>Đến ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
	<ul style="list-style-type: none"> • NAV dưới 500 tỷ Đồng Việt Nam: 0,04% mỗi năm; • NAV từ 500 tỷ Đồng Việt Nam đến 1.000 tỷ Đồng Việt Nam: 0,035% mỗi năm; • NAV trên 1.000 tỷ Đồng Việt Nam: 0,025% mỗi năm;
	Mức phí giám sát tối thiểu là 16,8 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.
	<i>Từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
	<ul style="list-style-type: none"> • 0,04% mỗi năm;
	Mức phí giám sát tối thiểu là 16,8 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.
	<i>Từ ngày 1 tháng 4 năm 2016</i>
	<ul style="list-style-type: none"> • 0,04% mỗi năm;
	Mức phí giám sát tối thiểu là 23,0 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Dịch vụ	Biểu phí
Lưu ký chứng khoán	<p><i>Đến ngày 5 tháng 5 năm 2015</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • NAV dưới 1.000 tỷ Đồng Việt Nam: 0,03% mỗi năm; • NAV từ 1.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên: 0,025% mỗi năm; <p>Mức phí lưu ký tối thiểu là 10,5 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.</p> <p><i>Từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • 0,03% mỗi năm; <p>Mức phí lưu ký tối thiểu là 10,5 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.</p> <p><i>Từ ngày 1 tháng 4 năm 2016</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • 0,04% mỗi năm; <p>Mức phí lưu ký tối thiểu là 22,0 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.</p>
Quản trị quỹ (chưa bao gồm VAT)	<p><i>Đến ngày 5 tháng 5 năm 2015</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • 0,04% mỗi năm; <p>Mức phí quản trị quỹ tối thiểu là 10,5 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.</p> <p><i>Từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • 0,04% mỗi năm; <p>Mức phí quản trị quỹ tối thiểu là 10,5 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.</p> <p><i>Từ ngày 1 tháng 4 năm 2016</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • 0,03% mỗi năm; <p>Mức phí quản trị quỹ tối thiểu là 5,0 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.</p>

Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Ngoài các phí trên, Quỹ còn phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát các chi phí liên quan đến việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giao dịch mua/bán chứng khoán	<p><i>Đến ngày 5 tháng 5 năm 2015</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • NAV dưới 500 tỷ Đồng Việt Nam: 160.000 Đồng Việt Nam/giao dịch; • NAV từ 500 tỷ Đồng Việt Nam trở lên: 120.000 Đồng Việt Nam/giao dịch; <p>Mức phí giao dịch tối đa là 0,06% NAV/năm tính trên bình quân NAV tại các kỳ định giá trong tháng.</p> <p><i>Từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • 130.000 Đồng Việt Nam/giao dịch. <p><i>Từ ngày 1 tháng 4 năm 2016</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • 100.000 Đồng Việt Nam/giao dịch.

Điều chỉnh lệnh 315.000 Đồng Việt Nam/giao dịch.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

20. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 Chưa soát xét
I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư		
1	Phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	1,92% 1,91%
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,18% 0,14%
3	Phí quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong kỳ (%)	0,07% 0,08%
4	Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,06% 0,06%
5	Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,10% 0,12%
6	Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	2,40% 2,31%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong kỳ (%)	73,01% 90,34%
II Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)	
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	264.819.577.700 397.017.923.500
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ	26.481.957,77 39.701.792,35
2	Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)	
	Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ	1.897.577,50 40.651,85
	Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	18.975.775.000 406.518.500
	Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	(3.647.775,34) (7.459.732,60)
	Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(36.477.753.400) (74.597.326.000)

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 Chưa soát xét
3 Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)		
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	247.317.599.300	322.827.116.000
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	24.731.759,93	32.282.711,60
4 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ	0,00%	0,00%
5 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	83,58%	83,19%
6 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	73,21%	65,26%
7 Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ	1.283	1.374
8 NAV/đơn vị quỹ cuối kỳ	12.084,48	9.961,55

21. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 do tính chất ngắn hạn của chúng. Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 chủ yếu là chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	112.995.536	112.995.536	112.995.536	-	-
Cổ tức phải trả cho Nhà đầu tư	83.000.000	83.000.000	83.000.000	-	-
Chi phí phải trả	298.175.852	298.175.852	298.175.852	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	593.348.253	593.348.253	593.348.253	-	-
Các khoản phải trả khác	55.393.574	55.393.574	55.393.574	-	-
	1.142.913.215	1.142.913.215	1.142.913.215	-	-

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Phải trả về mua các khoản đầu tư	821.360.000	821.360.000	821.360.000	-	-
Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	235.355.331	235.355.331	235.355.331	-	-
Cổ tức phải trả cho Nhà đầu tư	83.000.000	83.000.000	83.000.000	-	-
Chi phí phải trả	438.230.191	438.230.191	438.230.191	-	-
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	15.000.000	15.000.000	15.000.000	-	-
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	179.674.053	179.674.053	179.674.053	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	552.004.019	552.004.019	552.004.019	-	-
Các khoản phải trả khác	76.938.375	76.938.375	76.938.375	-	-
	2.401.561.969	2.401.561.969	2.401.561.969	-	-

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 287.503.700.400 Đồng Việt Nam (31/12/2015: 243.474.967.100 Đồng Việt Nam). Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, tỷ lệ biến động giá trung bình của các chứng khoán này vào cuối kỳ xấp xỉ 16% (2015: 17%). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 16% tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (31/12/2015: 17%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 46.000.592.064 Đồng Việt Nam (31/12/2015: 41.390.744.407 Đồng Việt Nam).

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quý:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i>				
▪ Các khoản đầu tư	287.503.700.400	287.503.700.400	243.474.967.100	243.474.967.100
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	12.411.225.403	12.411.225.403	36.501.338.214	36.501.338.214
▪ Phải thu về bán các khoản đầu tư	31.710.000	31.710.000	6.840.603.000	6.840.603.000
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	76.916.667	76.916.667	596.683.889	596.683.889
▪ Phải thu khác	-	-	10.683.088	10.683.088
	300.023.552.470	300.023.552.470	287.424.275.291	287.424.275.291

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	-	821.360.000	821.360.000
▪ Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	112.995.536	112.995.536	235.355.331	235.355.331
▪ Cổ tức phải trả cho Nhà đầu tư	83.000.000	83.000.000	83.000.000	83.000.000
▪ Chi phí phải trả	298.175.852	298.175.852	438.230.191	438.230.191
▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	-	-	15.000.000	15.000.000
▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	-	-	179.674.053	179.674.053
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	593.348.253	593.348.253	552.004.019	552.004.019
▪ Các khoản phải trả khác	55.393.574	55.393.574	76.938.375	76.938.375
	1.142.913.215	1.142.913.215	2.401.561.969	2.401.561.969

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày báo cáo tình hình tài chính.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu đó trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn

22. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 10 tháng 8 năm 2016.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc